

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/DS-ST

Ngày: 23 - 6 - 2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thật

*Các hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lê Văn Lý
- Ông Võ Thành Trung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn HD S1.

Địa chỉ: Lầu 8,9,10 Tòa nhà Gilimex, số 24C đường Ph, Phường 6, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu N – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Gia H – Chức vụ: Trưởng phòng Thu hồi nợ gián tiếp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Đàng Thanh P – Chuyên viên Pháp lý tố tụng.

**2. Bị đơn:** Ông Lương Văn S, sinh năm 1987; CCCD số: 080087012807; Địa chỉ: Ấp C, xã Th, huyện T, tỉnh Long An.

*Ông P và ông S đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn HD S1 (viết tắt: Công ty HD S1):* Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn do ông Đảng Thanh P đại diện theo ủy quyền xác định Công ty HD S1 khởi kiện yêu cầu ông S phải số tiền nợ gốc là 92.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 14.161.091 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.714.820 đồng. Tổng số tiền yêu cầu là 110.875.911 đồng. Yêu cầu ông S phải trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu ông S phải chịu lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày Công ty HD S1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông S không thanh toán số tiền nêu trên thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

*Đề nghị của bị đơn – ông Lương Văn S:* Trong quá trình giải quyết vụ án, ông S đồng ý trả cho Công ty HD S1 số tiền nợ gốc là 92.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 14.161.091 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.714.820 đồng; Tổng số tiền yêu cầu là 110.875.911 đồng. Về thời hạn trả tiền, ông S đề nghị được trả dần mỗi tháng số tiền 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

### ***Các tình tiết của vụ án:***

*Những nội dung các đương sự thống nhất:* Ông S và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất vào ngày ngày 25/9/2020, ông S đã ký kết với Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn HD S1 (Viết tắt: Công ty HD S1) Hợp đồng tín dụng số CR018729797 với nội dung chủ yếu như sau: Vay số tiền 92.000.000đồng, thời hạn vay 24%/tháng, mục đích vay là để mua hàng hóa. Thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất thực tế 2.92%/tháng. Phương thức cho vay: Cho vay từng lần theo hình thức cho vay trả góp. Khoản thanh toán hàng tháng là 5.645.084 đồng, thanh toán tiền hằng tháng vào ngày 22; ngày thanh toán đầu tiên là 22/10/2020; ngày thanh toán cuối cùng là 22/9/2022.

Tính đến ngày 17/02/2023, ông S đã chậm thanh toán cho Công ty HD S1 24 kỳ trả góp tương ứng với số tiền 110.875.911 đồng, trong đó: Số tiền nợ gốc là 92.000.000đồng và số tiền lãi là 18.875.911 đồng (gồm số tiền lãi trong hạn là 14.161.091 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.714.820 đồng). Công ty HD S1 đã nhiều lần liên hệ với ông S nhưng ông S vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền.

*Những nội dung các đương sự không thống nhất được:* Công ty HD S1 yêu cầu ông S phải trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Ông S đề nghị được trả dần mỗi tháng số tiền 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp như tại biên bản phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện T.

Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành hòa giải vụ án nhưng không thành.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là “hợp đồng tín dụng” được quy định tại Bộ luật Dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đảng Thanh P và ông Lương Văn S có đơn đề nghị được giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông P và ông S.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số CR018729797 ngày 25/9/2020 là 110.875.911 đồng. Trong đó số tiền gốc 92.000.000 đồng và 18.875.911 đồng tiền lãi (gồm tiền lãi trong hạn là 14.161.091 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.714.820 đồng). Các bên không tranh chấp về số nợ nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty HD S1 đối với ông Lương Văn S là có căn cứ chấp nhận. Buộc ông Lương Văn S có nghĩa vụ trả cho Công ty HD S1 số tiền gốc tiền gốc 92.000.000 đồng và 18.875.911 đồng tiền lãi, tổng cộng là 110.875.911 đồng.

[4] Về thời gian trả và cách thức trả: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả một lần; bị đơn đề nghị được trả dần mỗi tháng số tiền 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Các đương sự không thống nhất được với nhau về thời hạn trả tiền. Xét thấy, vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[6] Về án phí: Công ty HD S1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lương Văn S phải chịu số tiền 5.544.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty HD S1 đối với ông Lương Văn S.

Buộc ông Lương Văn S có nghĩa vụ trả cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn HD S1 số tiền gốc 92.000.000 đồng (chín mươi hai triệu đồng) và 18.875.911 đồng (mười tám triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm mười một đồng), tổng cộng là 110.875.911 đồng (một trăm mười triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm mười một đồng).

2. Về án phí:

Ông Lương Văn S phải chịu số tiền 5.544.000 đồng (năm triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Công ty HD S1 không phải chịu án phí, hoàn trả cho Công ty HD S1 số tiền 2.272.000 đồng (hai triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tạm ứng án phí mà Công ty HD S1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009124 ngày 22 tháng 5 năm 2023 (theo Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 115/TB – TA ngày 11/5/2023) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thật**